

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – ĐỒNG NAI**

Bản án số: 84/2026/HS-ST

Ngày: 28-4-2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Ngọc Mai Phương

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Long – Thẩm tra viên Toà án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 10 - Đồng Nai tham gia phiên toà:
Ông Phạm Trần Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đồng Nai xét xử theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 95/2026/TLST-HS ngày 21 tháng 4 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2026/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

Trương Văn G, sinh ngày 17/7/1984, tại Thanh Hoá. Tên gọi khác: không. Nơi thường trú: Thôn P, xã C, tỉnh Thanh Hóa. Nơi tạm trú: 100/82/23, đường ĐT-6-3, ấp C, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; con ông Trương Văn N, sinh năm 1960 (đã chết) và bà Thàng Thị T, sinh năm 1964. Bị cáo có vợ là Hoàng Thị N1, sinh năm 1987, có 02 người con sinh năm 2007 và 2009 (đã chết). Tiền án; tiền sự: Không.

Ngày 08/01/2026, thực hiện hành vi vận chuyển hàng cấm thì bị phát hiện, bắt quả tang. Bị tạm giữ hình sự từ ngày 08/01/2026 đến ngày 16/01/2026 khởi tố bị can và chuyển tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh Đ.

Ngày 03/4/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai ra Quyết định thay thế biện pháp tạm giam và Quyết định về việc bảo lãnh đối bị cáo cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Phương T1, sinh năm 2007 (Vắng mặt, có đơn)

Nơi thường trú: Thôn Đ, xã K, tỉnh Hưng Yên

Nơi tạm trú: 33, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Văn G là người làm nghề lái xe chở khách. Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 08/01/2026, một người đàn ông tên H (chưa rõ nhân thân) đến nhà trọ của G tại xã Đ, thành phố Hồ Chí Minh đưa cho G 01 túi nylon màu đen được gói kín và yêu cầu G đi đến khu vực xã T, tỉnh Đồng Nai giao túi nylon này và nhận pháo rồi chở về cho H. Cả hai thỏa thuận tiền công là 1.000.000 (Một triệu) đồng. Đến khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, G điều khiển xe ô tô Vinfast VF6 biển số 50E-245.54 đến khu vực xã T, tỉnh Đồng Nai thì một người đàn ông đứng ven đường, biết là người giao hàng cho H nên dừng xe, mở cốp sau cho người này bê 01 thùng giấy bìa cacton chứa pháo bỏ vào, sau đó đưa túi nylon màu đen của H cho người đàn ông trên rồi điều khiển xe ô tô chở pháo về phố H.

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 08/01/2026, Phòng PC08 Công an tỉnh Đ phối hợp cùng Công an xã T, tỉnh Đồng Nai tuần tra kiểm soát trên địa bàn. Khi đang chốt chặn trên đường lộ 13 đoạn đi qua thôn E, xã T, tổ công tác phát hiện xe ô tô nhãn hiệu Vinfast VF6, biển số 50E-245.54 do Trương Văn G điều khiển có biểu hiện nghi vấn nên dừng xe kiểm tra thì phát hiện cốp xe phía sau có 01 thùng giấy (bìa cacton), bên trong có 21 (hai mươi một) khối hình hộp chữ nhật, bên ngoài được dán giấy nhiều màu sắc, có chữ nước ngoài, cùng kích thước là (16,5x16,5x10cm. Trương Văn G khai nhận 21 khối hình hộp chữ nhật trên là pháo hoa nổ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Đ tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Quá trình làm việc với Cơ quan cảnh sát điều tra bị cáo G thừa nhận toàn bộ hành vi phạm như trên.

Tại Kết luận giám định số 159/KL-KTHS ngày 14/01/2026 của Phòng thuật hình sự - Công an tỉnh Đ kết luận: 21 (hai mươi một) khối hình hộp ký hiệu là M được niêm phong gửi giám định là pháo nổ (pháo hoa nổ); có chứa thuốc pháo, khi đốt bay lên cao, nổ, rít và ánh sáng màu; khối lượng là 34,05kg (ba mươi tư phẩy không năm kilogam).

H1 lại đối tượng giám định: 21,70kg (17 khối) được niêm phong.

Cáo trạng số: 23/CT-VKS-KV10 ngày 20/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đồng Nai: Truy tố Trương Văn G về tội Vận chuyển hàng cấm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố, giữ nguyên Quyết định truy tố như cáo trạng, căn cứ tính chất mức độ phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị:

Tuyên bố bị cáo Trương Văn G phạm tội Vận chuyển hàng cấm

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191, Điều 50, Điều 35, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật sự, đề nghị xử phạt hình phạt chính là phạt tiền.

Bị cáo Trương Văn G chịu phạt tiền từ 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng đến 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng và vấn đề liên quan theo cáo trạng truy tố.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của sát viên và bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan sát điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đồng Nai, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đồng Nai, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp về thời gian, địa điểm và quá trình thực hiện tội phạm, phù hợp với các tài liệu chứng cứ, vật chứng có trong hồ sơ vụ án đã thu thập được. Hội đồng xét xử đủ cơ sở để kết luận: Ngày 08/01/2026, Trương Văn G có hành vi vận chuyển 21 bệ pháo hoa nổ, trọng lượng 34kg để nhận 1.000.000 (Một triệu) đồng tiền công thì bị phát hiện, bắt quả tang tại thôn E, xã T, tỉnh Đồng Nai. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Vận chuyển hàng cấm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 của Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đồng Nai truy tố bị cáo Trương Văn G về tội: “Vận chuyển hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật sự là có căn cứ.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế mà cụ thể là xâm phạm chế độ độc quyền của Nhà nước trong quản lý, tàng trữ, vận chuyển hàng cấm được Bộ luật Hình sự bảo vệ. Bị cáo đã vận chuyển pháo hoa nổ là một trong các loại hàng hóa mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng tại Việt Nam. Ngoài ra, hành vi của bị cáo còn gây ảnh hưởng

đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, nên cần có hình phạt phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Ngoài ra, cha mẹ ruột bị cáo là người có công với cách mạng, được tặng giấy khen, kỷ niệm chương trong chiến đấu nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét bị cáo là người có công việc và chỗ ở ổn định, không có tiền án, tiền sự, nên không cần thiết cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội, mà xử phạt tiền là đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người làm thuê, hình phạt chính là hình phạt tiền, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Xử lý vật chứng của vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật hình sự:

- Đối với 01 xe ô tô Vinfast VF6, biển số 50E-245.54 do bà Đinh Thị Thanh T2 đứng tên đăng ký sở hữu. Ngày 05/01/2026, G làm hợp đồng thuê xe của bà T2 để đi chở khách. Việc G sử dụng xe đi chở pháo thuê, bà T2 không biết, Cơ quan Cảnh sát tra-Công an tỉnh Đ đã xử lý, trả lại xe cho bà T2 theo quy định, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với mẫu vật hoàn lại sau giám định là 17 khối pháo hoa nổ có khối lượng 21,7kg, hiện đang quản lý tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ là vật cấm lưu hành, tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax, màu trắng có gắn sim số 0967828784 tạm giữ để phục vụ điều tra là tài sản hợp pháp của Trương Văn G, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho G.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu đỏ có gắn sim số 0896356806 tạm giữ để phục vụ điều tra là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị T1 cho G mượn. Việc G sử dụng để liên lạc giao nhận pháo, bà T1 không biết nên trả lại cho bà T1

Về tiền thu lợi bất chính: Đối với 1.000.000đ (Một triệu) đồng là số tiền Trương Văn G phạm tội mà có, truy thu của G để sung vào Ngân sách nước.

[6] Các vấn đề liên quan:

Đối với người đàn ông tên H thuê G vận chuyển pháo, qua xác minh trên địa bàn xã Đ, thành phố Hồ Chí Minh không có người nào tên H có đặc điểm như G mô tả. Kết quả tra cứu tài khoản Zalo “Anh O” liên lạc với G từ Công ty Cổ phần Đ thể hiện: Sau khi kiểm tra, rà soát, Công ty Cổ phần Đ thấy rằng thông tin tài khoản Zalo “Anh O” không đủ nên không thể cung cấp thông tin hỗ trợ”. Vì vậy, không có căn cứ để xử lý.

Đối với người đàn ông giao pháo cho Trương Văn G, qua xác minh, trên địa bàn xã T không có người nào có đặc điểm như Giáp mô tả nên không có căn cứ để xử lý.

[7] Tại phiên tòa đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Trương Văn G phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

2. Điều luật và hình phạt:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 191; Điều 35, Điều 50; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ Luật sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)

Xử phạt bị cáo Trương Văn G 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng.

3. Xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật sự; điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 17 khối pháo hoa nổ có khối lượng 21,7kg mẫu vật hoàn lại sau giám định.

Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax, màu trắng có gắn sim số 0967828784. Tình trạng điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra hoạt động của máy, cho Trương Văn G;

Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu đỏ, có gắn sim số 0896356806. Tình trạng điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra hoạt động của máy cho, chủ sở hữu bà Nguyễn Thị Phương T1

(Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Đ – Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Nai số KV10/2026/087 ngày 24/4/2026)

Tịch thu nộp ngân sách 1.000.000 (Một triệu) đồng tiền thu lợi bất chính của bị cáo G.

4. Án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được cấp tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 10 - Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Phòng HSNV CA tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Phòng THADS KV10 – Đồng Nai;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu HS, VT (11).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Mai Phương